

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 9 - 2021  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Ngọc.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Sơn Lạng;
2. Ông Nguyễn Xuân Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Mỹ T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Buôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Trần Như L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Buôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mỹ T trình bày:*

Chị Mỹ T và anh Trần Như L kết hôn với nhau ngày 04/12/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, việc chị và anh L kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, về nhà chửi bới, đánh đập vợ con, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, sự việc xảy ra đã được hai bên gia đình và các đoàn thể ở địa phương hòa giải nhiều lần nhưng anh Trần Như L vẫn không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị Mỹ T nhận thấy tình cảm giữa chị và anh L không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay chị và anh L không còn chung sống với nhau, nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lắc giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Như L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Mỹ T và anh Trần Như L có 01 con chung, tên là Niê Kdăm T, sinh ngày 27/8/2018, hiện nay con đang ở với chị Mỹ T. Khi ly hôn chị Mỹ T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Niê Kdăm T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Mỹ T và anh Trần Như L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Mỹ T xác định chị và anh Trần Như L hiện nay không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Trần Như L:* Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh L, nhưng anh L không ký nhận và không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh Trần Như L được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Mỹ T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn anh Trần Như L không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mỹ T, cho chị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Như L.

Về con chung: Giao cháu Niê Kdăm T cho chị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mỹ T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Mỹ T và anh L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Mỹ T xác định hiện nay chị và anh L không nợ ai khoản nợ nào. Nên về tài sản và nợ chung của chị Mỹ T và anh L không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Miễn toàn án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình cho chị Mỹ T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mỹ T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Như L và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn anh Trần Như L cư trú tại: buôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Trần Như L, nhưng anh Trần Như L không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Anh Trần Như L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về yêu cầu ly hôn: Chị Mỹ T và anh Trần Như L tự nguyện kết hôn với nhau ngày 04/12/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Mỹ T và anh Trần Như L chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Trần Như L không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, đánh đập vợ con. Qua xác minh tại buôn B, xã Đ, huyện L, nơi anh L và chị Mỹ T cư trú, thể hiện vợ chồng chị Mỹ T và anh L xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2021, ban tự quản và các đoàn thể của buôn B đã hòa giải nhiều lần, nhưng tình trạng hôn nhân của chị Mỹ T và anh L không thay đổi.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Mỹ T và anh Trần Như L không còn tình cảm, thương yêu, tôn trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mỹ T, cho chị Mỹ T được ly hôn anh Trần Như L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Mỹ T và anh Trần Như L có 01 con chung là Niê Kdăm T, sinh ngày 27/8/2018, khi ly hôn chị Mỹ T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị Mỹ T, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, từ trước đến nay cháu Niê Kdăm T ở với chị Mỹ T tại buôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk có nơi ở, sinh hoạt, học tập ổn định. Đồng thời chị Mỹ T có công việc và thu nhập ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Niê Kdăm T cho chị Mỹ T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mỹ T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Trần Như L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Trần Như L thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Chị Mỹ T xác định chị và anh Trần Như L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định chị và anh Trần Như L không nợ ai khoản nợ nào, nên về tài sản và nợ chung của chị Mỹ T và anh Trần Như L Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Mỹ T người đồng bào dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình cho chị Mỹ T, anh Trần Như L không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mỹ T.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Mỹ T và anh Trần Như L.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung Niê Kdăm T, sinh ngày 27/8/2018 cho chị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mỹ T không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình cho chị Mỹ T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- CCTHADS huyện Lắk;
- UBND xã Đắk Phơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Văn Ngọc**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- CCTHADS huyện Lắk;
- UBND xã Đắk Phoi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Ngọc**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

